

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÂM THỊ PHƯỢNG

LỢI ÍCH CỦA NÔNG DÂN TRONG
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI
Ở CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã số: 9310102

HÀ NỘI - 2024

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Hoàng Thị Bích Loan

TS. Đinh Văn Trung

Phản biện 1: PGS.TS. Vũ Thanh Sơn

Ban Tổ chức Trung ương

Phản biện 2: PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp

Đại học Quốc gia Hà Nội

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn An Hà

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá cấp Học viện,
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 15h00, ngày 19 tháng 4 năm 2024

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp là một trong những ngành có tỷ lệ phát thải ra môi trường lớn nhất, làm trầm trọng hơn tình trạng biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường trên toàn thế giới. Để hạn chế các tác động tiêu cực đó, các quốc gia đã và đang lựa chọn phát triển nông nghiệp sinh thái - xu thế sản xuất nông nghiệp tiên bộ, trách nhiệm, nhân văn, phù hợp với quy luật tự nhiên để kiến tạo hệ sinh thái nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Ở Việt Nam, sản xuất nông nghiệp đóng góp khoảng 30% lượng phát thải khí nhà kính. Nhận thức được hậu quả lâu dài của cách thức sản xuất nông nghiệp thâm canh, lạm dụng hóa chất và lợi ích của phát triển nông nghiệp sinh thái, Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” với mục tiêu tổng quát đến năm 2030 “Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hóa nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu”.

Hà Nội là thủ đô của cả nước với những đặc điểm đặc thù về điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội phù hợp để phát triển nông nghiệp sinh thái. Chính quyền thủ đô chủ trương đẩy mạnh tái cơ cấu ngành, hướng tới phát triển nông nghiệp xanh, thông minh, bền vững. Các mô hình nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành dần được hình thành, phát triển theo cách thức và quy mô sản xuất khác nhau.

Phát triển nông nghiệp sinh thái gắn liền với chủ thể trung tâm là nông dân, do đó, lợi ích của chủ thể này cần được bảo đảm, nghĩa là nông dân phải được thụ hưởng đầy đủ lợi ích tương xứng với giá trị tạo ra. Mặc dù chính quyền thủ đô đã chú trọng bảo đảm lợi ích của nông dân nhưng còn tồn tại nhiều vấn đề cần giải quyết (thu nhập nông dân ở mô hình sản xuất cá thể chưa được bảo đảm chắc chắn do gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; nông dân hoàn toàn chưa nhận được thu nhập từ các sản phẩm vô hình do nông nghiệp sinh thái tạo ra; nông dân gặp khó khăn trong tiếp cận một số chính sách hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền địa phương; một số mâu thuẫn lợi ích giữa các chủ thể chưa được giải quyết ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích kinh tế của nông dân ...).

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề ***“Lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội”*** làm đề tài luận án tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở những vấn đề lý luận về lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái, luận án làm sáng tỏ được thực trạng lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2022 và đề xuất quan điểm, giải pháp chủ yếu bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội đến năm 2030.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã được công bố, chỉ rõ những nội dung đã đề cập và những kết quả đã được giải quyết; những khoảng trống khoa học mà luận án cần và có thể tập trung nghiên cứu.

Hai là, xây dựng khung lý luận về lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái; nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái của một số địa phương trong nước và rút ra bài học kinh nghiệm cho các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội.

Ba là, phân tích, đánh giá thực trạng lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2022.

Bốn là, đề xuất một số quan điểm và giải pháp chủ yếu bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái (gồm lợi ích kinh tế và lợi ích phi kinh tế) dưới góc độ ngành Kinh tế chính trị.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung*: nghiên cứu lợi ích của nông dân thông qua các hình thức biểu hiện lợi ích mà nông dân thu được trong phát triển nông nghiệp sinh thái (không đề cập đến lâm nghiệp).

- *Phạm vi về không gian*: các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội, tập trung sâu hơn vào lợi ích của nông dân ở 04 huyện (Sóc Sơn, Thường Tín, Đông Anh, Chương Mỹ).

- *Phạm vi về thời gian*: các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2022 và đề xuất một số giải pháp đến năm 2030.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin; quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp sinh thái; lợi ích của nông dân và lợi ích của nông dân trong mối quan hệ lợi ích với các chủ thể khác trong phát triển nông nghiệp sinh thái.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp trừu tượng hóa khoa học, phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp thống kê - so sánh.

5. Những đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án đưa ra khái niệm và làm rõ nội hàm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái.

Thứ hai, đánh giá thực trạng lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội.

Thứ ba, đề xuất quan điểm, các giải pháp chủ yếu nhằm bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội đến năm 2030.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Thứ nhất, làm sáng rõ hơn những vấn đề lý luận về lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái.

Thứ hai, kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các Ban, Bộ, ngành, các tác giả quan tâm đến đề tài; và là tài liệu tham khảo cho các cơ sở đào tạo trong nghiên cứu khoa học, giảng dạy môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin về nội dung chuyên đề lợi ích, lợi ích kinh tế, nông nghiệp sinh thái và các môn khoa học khác có liên quan.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu của luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án được kết cấu thành 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN Ở NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆT NAM

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về lợi ích, lợi ích kinh tế, lợi ích của nông dân

Glen Weishbrod, David Simmonds, “*Defining economic impact and benefit metrics from multiple perspectives: lessons to be learned from both sides of the Atlantic*”; V.P.Ca.man-kin, “*Các lợi ích kinh tế dưới chủ nghĩa xã hội*”; Hoàng Văn Luận, “*Lợi ích động lực của sự phát triển xã hội bền vững*”; Nguyễn Danh Sơn, “*Lợi ích của nông dân trong đổi mới và phát triển đất nước*”; Đặng Quang Định, “*Quan hệ lợi ích kinh tế giữa công nhân, nông dân và trí thức ở Việt Nam hiện nay*”; Trần Thị Lan, “*Quan hệ lợi ích kinh tế trong thu hồi đất của nông dân để xây dựng các khu công nghiệp và khu đô thị mới của Hà Nội*”; Nguyễn Linh Khiếu, “*Lợi ích kinh tế của nông dân trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn*”.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về nông nghiệp sinh thái, phát triển nông nghiệp sinh thái; lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp và trong phát triển nông nghiệp sinh thái

Fred Magdoff, “*Ecological agriculture: Principles, practices, and constraints*”; Miguel A. Altieri, Fernando R. Funes-Monzote and Paulo Petersen, “*Agroecologically efficient agricultural systems for smallholder farmers: contribution to food sovereignty*”; Claire Kremen, Albie Miles, “*Ecosystem Services in Biologically Diversified versus Conventional Farming Systems: Benefits, Externalities, and Trade-Offs*”; Stephen R. Gliessman, “*Agroecology: The ecology of sustainable food systems*”; Rahul Katiyar, Arun Kumar Pal và Brij Mohan, “*An Adoption of Selected Ecological Agricultural Practices by the Farmers*”; Angelika Hilbeck, Bernadette Oehen, “*Agroecology - the most convincing proposal for transforming un sustainable agro-food systems*”; Harri Ram Prajapati, “*Organic farming: Economics, Policy and Practices*”; Linh Pham, Gerald Shively, “*Profitability of organic vegetable production in Northwest Vietnam: evidence from Tan Lac District*”; Marie Phamova, Jan Banout, Vladimir Verner, Tatiana Ivanova and Jana Mazancova, “*Can Ecological Farming Systems Positively Affect Household Income from Agriculture? A Case Study of the Suburban Area of Hanoi, Vietnam*”; Phạm Văn Khôi, “*Phát triển nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng nông nghiệp sinh thái*”; Trần Thị Hồng Việt, “*Những giải pháp kinh tế chủ yếu nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng nông nghiệp sinh thái*”; Nguyễn Văn Hùng,

“Một số vấn đề về sự phát triển nông nghiệp sinh thái ở Pháp và ý nghĩa thực tiễn đối với Việt Nam”; Nguyễn Thị Thu Hà, “Phát triển nông nghiệp sinh thái, hướng đi mới đối với sản xuất nông nghiệp”; Nguyễn Thị Đào, “Phát triển nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam: thuận lợi và khó khăn”; Nguyễn Đăng Nghĩa, Nguyễn Thị Hồng Minh và Phạm Phương Thảo, “Xu hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông nghiệp sạch tại Việt Nam”; Nguyễn Thị Mai, “Phát triển nông nghiệp hữu cơ tại các huyện ngoại thành Hà Nội”; Phạm Thị Huyền, Ngô Thế Nam, “Đánh giá thực trạng sản xuất sản phẩm nông nghiệp và nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội”; Trương Đình Chiến, “Một số giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội”; Trương Đình Chiến, “Một số vấn đề về phát triển chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ cho thị trường nội thành Hà Nội”; Đào Thế Anh, “Phát triển một nền nông nghiệp sinh thái bền vững”; Nguyễn Minh Quang và các cộng sự, “Agroecology - Chìa khóa cho sản xuất nông nghiệp ứng phó với biến đổi khí hậu?”; Cao Đức Phát, “Phát triển nông nghiệp sinh thái hướng tới giá trị và bảo đảm phát triển bền vững”; Nguyễn Văn Thanh, “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”; Vũ Văn Phúc, Trần Thị Minh Châu, “Chính sách hỗ trợ của Nhà nước ta đối với nông dân trong điều kiện hội nhập WTO”; Phạm Quốc Quân, “Lợi ích của nông dân khi tham gia chuỗi giá trị hàng hóa nông sản”; Bùi Thị Tiến, “Quan hệ lợi ích trong phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Trần Thanh Giang, “Lợi ích kinh tế của nông dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay”; Trần Hoàng Hiệu, “Quan hệ lợi ích kinh tế giữa nông dân và doanh nghiệp trong phát triển cánh đồng lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long”; Lương Quốc Đoàn, “Khơi dậy khát vọng vươn lên và phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới”; Đoàn Minh Huân, “Xây dựng nông dân văn minh - chủ thể phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn hiện đại”.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

- Nhóm các công trình nghiên cứu về lợi ích, lợi ích kinh tế, lợi ích của nông dân

Làm rõ khái niệm lợi ích, lợi ích kinh tế, các hình thức biểu hiện lợi ích nói chung; tác động tích cực và tiêu cực của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến lợi ích của nông dân; các hình thức biểu hiện lợi ích của nông dân trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể; chủ trương, quan điểm và các giải pháp bảo đảm lợi ích cho nông dân của Đảng, Nhà nước ta; đề cập và luận giải một hình thức biểu hiện về lợi ích kinh tế cụ thể của nông dân (thông qua chính sách hỗ trợ của Nhà nước).

- *Nhóm các công trình nghiên cứu về nông nghiệp sinh thái, phát triển nông nghiệp sinh thái; lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp và trong phát triển nông nghiệp sinh thái*

Đã đề cập đến một số vấn đề về nông nghiệp sinh thái và phát triển nông nghiệp sinh thái; kinh nghiệm phát triển nông nghiệp sinh thái của một số quốc gia có nền nông nghiệp phát triển và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về phát triển nông nghiệp sinh thái; những thuận lợi và khó khăn trong phát triển nông nghiệp sinh thái; thực trạng phát triển nông nghiệp sinh thái trên một số địa bàn trong nước; mục tiêu và giải pháp phát triển nông nghiệp sinh thái; lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp (lợi ích và quan hệ lợi ích gắn liền với từng vấn đề cụ thể như lợi ích của nông dân trong tham gia chuỗi giá trị hàng hóa nông sản, lợi ích của nông dân trong phát triển cánh đồng mẫu lớn trên một địa bàn cụ thể, lợi ích của nông dân trong thu hồi đất nông nghiệp trên một địa bàn cụ thể, quan hệ lợi ích giữa các chủ thể liên quan) và lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái (so sánh lợi nhuận của nông dân trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp thông thường trên một địa bàn cụ thể; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông dân ở mô hình sản xuất nông nghiệp thông thường, an toàn và hữu cơ; đề xuất khuyến nghị đối với nông dân và chính quyền để gia tăng thu nhập cho nông dân; quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển nông nghiệp hữu cơ trên một địa bàn cụ thể; vấn đề đặt ra về lợi ích của nông dân và các giải pháp phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái...).

Có thể thấy rằng, chưa có công trình nào nghiên cứu trực diện lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái và phân tích, đánh giá toàn diện thực trạng lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái trên địa bàn cả nước hoặc ở một địa phương cụ thể dưới góc độ ngành Kinh tế chính trị.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

*** Về lý luận luận án cần tiếp tục nghiên cứu**

Luận giải những vấn đề lý luận về lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái:

- Những vấn đề lý luận chung về nông nghiệp sinh thái: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của nông nghiệp sinh thái.

- Những vấn đề lý luận chung về lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái: Khái niệm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái; các hình thức biểu hiện, tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái.

*** Về thực tiễn luận án cần tiếp tục nghiên cứu**

- Nghiên cứu kinh nghiệm bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở một số địa phương trong nước, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo, có thể vận dụng phù hợp với các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội.

- Phân tích, đánh giá thực trạng lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2022; đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của kết quả, hạn chế.

- Đề xuất quan điểm và một số giải pháp chủ yếu bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội đến năm 2030.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ LỢI ÍCH CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI

2.1. NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÀ KHÁI NIỆM LỢI ÍCH CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI

2.1.1. Những vấn đề lý luận chung về nông nghiệp sinh thái

2.1.1.1. Khái niệm nông nghiệp sinh thái

Tác giả nêu quan niệm về nông nghiệp sinh thái của một số nhà khoa học (Lê Văn Khoa, Hồ Ngọc Sơn, Trần Trung) và tổ chức (Nông nghiệp hữu cơ quốc tế (IFOAM), Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO)).

Theo tác giả, *nông nghiệp sinh thái là nền nông nghiệp áp dụng các nguyên tắc sinh thái và quy trình sản xuất tôn trọng quy luật tự nhiên, kết hợp giữa phương pháp truyền thống phù hợp và phương pháp hiện đại trên cơ sở thành tựu khoa học, công nghệ mới nhằm tái tạo, duy trì sức khỏe của hệ sinh thái tự nhiên, hạn chế các tác động tiêu cực đối với môi trường và cung cấp các loại nông sản an toàn cho sức khỏe con người.*

2.1.1.2. Đặc điểm của nông nghiệp sinh thái

- Tính đa dạng trong triển khai các mô hình sản xuất với các loại cây trồng, vật nuôi

- Kết hợp tập quán sản xuất truyền thống có lợi cho hệ sinh thái với hệ thống canh tác tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường

- Tính minh bạch, trách nhiệm và sự chia sẻ, hợp tác, liên kết

- Tính bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường

2.1.1.3. Vai trò của nông nghiệp sinh thái

- Nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng việc làm

- Thúc đẩy và lan tỏa cách tiếp cận sản xuất thân thiện với môi trường, tái tạo và cân bằng hệ sinh thái tự nhiên, gia tăng mức độ thích ứng với dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu

- Tác động đến sự thay đổi tư duy, thói quen sản xuất, trình độ kỹ thuật, tạo lập và củng cố địa vị làm chủ của nông dân

- Cung cấp nguồn nông sản đa dạng, an toàn và chất lượng cho người tiêu dùng

- Góp phần thay đổi, củng cố nhận thức của xã hội về sản xuất nông nghiệp bền vững và thói quen tiêu dùng nông sản an toàn cho sức khỏe.

2.1.2. Khái niệm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái

Tác giả luận án cho rằng: *Lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái là các nhu cầu của nông dân được thỏa mãn khi triển khai sản xuất nông nghiệp áp dụng các nguyên tắc sinh thái và quy trình sản xuất tôn trọng quy luật tự nhiên, kết hợp giữa phương pháp truyền thống phù hợp và phương pháp hiện đại dựa trên cơ sở thành tựu khoa học, công nghệ mới nhằm tái tạo, duy trì sức khỏe của hệ sinh thái tự nhiên, hạn chế các tác động tiêu cực đối với môi trường và cung cấp các loại nông sản an toàn cho sức khỏe con người.*

Theo tác giả luận án, bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái là tổng thể các hoạt động có mục đích, có ý thức của các chủ thể để các nhu cầu của nông dân được thỏa mãn khi triển khai sản xuất nông nghiệp áp dụng các nguyên tắc sinh thái và quy trình sản xuất tôn trọng quy luật tự nhiên, kết hợp giữa phương pháp truyền thống phù hợp và phương pháp hiện đại dựa trên cơ sở thành tựu khoa học, công nghệ mới nhằm tái tạo, duy trì sức khỏe của hệ sinh thái tự nhiên, hạn chế các tác động tiêu cực đối với môi trường và cung cấp các loại nông sản an toàn cho sức khỏe con người.

2.2. HÌNH THỨC BIỂU HIỆN, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỢI ÍCH CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI

2.2.1. Hình thức biểu hiện và tiêu chí đánh giá lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái

2.2.1.1. Nông dân được thụ hưởng thu nhập

Các giá trị từ các sản phẩm hữu hình (nông sản) và sản phẩm vô hình (cảnh quan, lượng khí thải thấp...) của nông nghiệp sinh thái sẽ mang lại thu nhập cho nông dân.

Xét theo nguồn gốc tạo ra thu nhập, thu nhập của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái cao hơn cách thức sản xuất nông nghiệp truyền thống là tiêu chí đánh giá lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái do chi phí sản xuất giảm, năng suất có xu hướng tăng và giá trị nông sản tăng đáng kể.

Tùy cách thức tổ chức sản xuất cụ thể nông dân tham gia, thu nhập của nông dân có được từ các nguồn: sản xuất theo hình thức hộ gia đình, nông dân có thu nhập sau khi nông sản được tiêu thụ; sản xuất theo hình thức là thành viên sở hữu một phần vốn hoặc tư liệu sản xuất trong nhóm sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã, nông dân nhận được thu nhập bằng tiền và hiện vật (nếu có) theo thỏa thuận đã thống nhất và kí kết trước khi tham gia sản xuất theo tỷ lệ góp vốn thực tế, tỷ lệ sở hữu tư liệu sản xuất và mức độ đóng góp sức lao động, thể hiện dưới hình thức công tấc và tiền công; sản xuất theo hình thức là chủ thể trong liên kết với các chủ thể

kinh tế khác, nông dân nhận được thu nhập theo các điều khoản quy định cụ thể được kí kết giữa các bên trong hợp đồng liên kết. Tiêu chí đánh giá thu nhập từ chi phí, doanh thu, sản phẩm đầu ra.

2.2.1.2. Nông dân được thụ hưởng môi trường làm việc và môi trường sống an toàn cho sức khỏe

Các tiêu chí đánh giá như: Điều kiện lao động có bảo đảm an toàn vệ sinh, trang thiết bị sử dụng và phương tiện bảo vệ có đầy đủ không?; môi trường làm việc có độc hại, ảnh hưởng đến sức khỏe không?...

Với cách thức thực hành sản xuất thân thiện với môi trường, các loại chế phẩm hữu cơ, sinh học an toàn được sử dụng phổ biến thay cho các loại vật tư đầu vào có nguồn gốc hóa học. Trong điều kiện thị trường sản phẩm vô hình của nông nghiệp sinh thái (giá trị cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên cân bằng, lượng oxy tăng, lượng carbon phát thải ra môi trường thấp...) chưa định hình hoặc mới định hình, chưa phát triển đầy đủ để đo lường chính xác các yếu tố gây hại đến sức khỏe của nông dân trong sản xuất giảm ở mức độ nào so với nông nghiệp truyền thống, tác giả sử dụng tiêu chí đánh giá mức độ cải thiện môi trường làm việc và môi trường sống cho nông dân là lượng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu hóa học, thuốc kích thích tăng trưởng, thuốc bảo vệ thực vật... được cắt, giảm và lượng phân hữu cơ, thuốc diệt trừ sâu bệnh có nguồn gốc thảo mộc, thức ăn vi sinh sử dụng tăng lên trong trồng trọt, chăn nuôi.

Nông dân được sống trong môi trường trong lành do lượng oxy tăng, lượng khí thải ra môi trường giảm và không phải thường trực nỗi lo phải sử dụng nguồn nước, hít thở không khí có thể bị ô nhiễm từ dư lượng hóa chất độc hại được sử dụng không kiểm soát trong sản xuất.

2.2.1.3. Nông dân được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền địa phương

Chính sách hỗ trợ của các quốc gia có thể khác nhau, tùy thuộc vào cách tiếp cận và nguồn lực tài chính. Là chủ thể hạn chế về nguồn lực và phải gánh chịu nhiều rủi ro nhất về lợi ích trong số các chủ thể tham gia phát triển nông nghiệp sinh thái, trên cơ sở đánh giá những vướng mắc cản trở nông dân tham gia phát triển nông nghiệp sinh thái và những khó khăn nông dân gặp phải trong quá trình sản xuất, chính phủ mỗi quốc gia ban hành, điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn nhằm hỗ trợ nông dân hiệu quả nhất.

- Chính sách hỗ trợ các yếu tố sản xuất đầu vào
- Chính sách hỗ trợ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ trong sản xuất
- Chính sách hỗ trợ liên kết, xây dựng thương hiệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm

Tiêu chí đánh giá: Nông dân sản xuất nông nghiệp sinh thái được thụ hưởng chính sách hỗ trợ từ phía Nhà nước và chính quyền địa phương so với

quy định của chính sách như thế nào? Mức hỗ trợ đó có giúp nông dân tháo gỡ những khó khăn để gắn bó với phát triển nông nghiệp sinh thái hay không?

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái

2.2.2.1. Thể chế, chính sách của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương

2.2.2.2. Nhận thức và hành động của các chủ thể tham gia

2.2.2.3. Hệ thống các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội

2.2.2.4. Yếu tố thị trường

2.2.2.5. Yếu tố hội nhập kinh tế quốc tế

2.2.2.6. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.3. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC VỀ BẢO ĐẢM LỢI ÍCH CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.3.1. Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước về bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái

2.3.1.1. Kinh nghiệm của tỉnh Lâm Đồng

Chính quyền tỉnh Lâm Đồng triển khai hỗ trợ nông dân trong phát triển các mô hình theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, bền vững như khảo sát, quy hoạch vùng sản xuất, hỗ trợ xây dựng mô hình và chi phí sản xuất, tập huấn, chuyển giao quy trình sản xuất, liên kết, hỗ trợ kinh phí xây dựng thương hiệu cho sản phẩm; hỗ trợ kết nối người sản xuất với đơn vị tiêu thụ....

Trong phát triển nông nghiệp hữu cơ, Lâm Đồng tập trung hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp triển khai các mô hình sản xuất; hỗ trợ nông dân và các chủ thể kinh tế khác: 100% chi phí đào tạo, tập huấn; liên kết hợp tác sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm với định mức không quá 50 triệu đồng/chuỗi; 70% phân hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, bẫy côn trùng, thức ăn, thuốc thú y, giống rau, lúa và dược liệu, cây họ đậu, chế phẩm sinh học cải tạo đất; 50% tham gia hội chợ giới thiệu nông sản trong nước (tối đa 25 triệu đồng/đơn vị); 50% xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm (tối đa 25 triệu đồng/đơn vị)...

2.3.1.2. Kinh nghiệm của tỉnh Bắc Ninh

Chính quyền tỉnh Bắc Ninh đã tập trung ban hành và triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái để bước đầu bảo đảm lợi ích cho chủ thể này.

Chính quyền tỉnh đã tăng cường công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ các chủ thể kinh tế (trong đó có nông dân) như Nghị quyết số 147 ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định hỗ trợ phát triển sản

xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (nay là Nghị quyết 07 ngày 07/7/2022 quy định hỗ trợ về phát triển nông nghiệp, Chương trình mỗi xã một sản phẩm và ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh). Nông dân tham gia phát triển nông nghiệp hữu cơ được hỗ trợ chi phí vật tư, tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi, lãi suất thấp...; tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về kiến thức và kỹ thuật sản xuất; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tiêu thụ nông sản; tham gia chuỗi liên kết...

Chính quyền đang tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ, hộ nông dân thuê đất sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

2.3.1.3. Kinh nghiệm của tỉnh Hà Nam

Chiến lược phát triển nông nghiệp hữu cơ của Hà Nam được chính quyền địa phương triển khai trên quan điểm chú trọng quan tâm và bảo đảm lợi ích cho nông dân. Các hộ nông dân được hỗ trợ kinh phí về giống (hỗ trợ 50%), vật tư thiết yếu như phân hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học (hỗ trợ 50%) và tiền hỗ trợ.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các quy định cụ thể hơn về các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh như Nghị quyết 03 ngày 20-4-2022 ban hành quy định cụ thể hơn các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh (đối tượng áp dụng, điều kiện, nội dung mức hỗ trợ đối với từng lĩnh vực nông nghiệp).

Chính quyền tỉnh Hà Nam còn triển khai thực hiện chính sách khuyến khích các chủ thể có tiềm lực kinh tế, khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm phát triển thị trường hỗ trợ nông dân cải thiện năng lực sản xuất, tham gia liên kết và được tiếp cận các dịch vụ đầu vào với giá cả tốt, kết nối tiêu thụ sản phẩm ổn định...

2.3.2. Bài học rút ra cho các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội về bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái

Các địa phương mới chỉ tập trung chú trọng triển khai chính sách hỗ trợ nông dân trong phát triển sản xuất. Đây là một trong những nội dung cần triển khai thực hiện nhằm bảo đảm lợi ích cho nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái và là bài học tham khảo cho các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội:

Một là, xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ các nguồn lực sản xuất cho nông dân

Hai là, nâng cao năng lực sản xuất cho nông dân (kiến thức, quy trình, kỹ thuật sản xuất) để tự bảo đảm lợi ích

Ba là, hướng trọng tâm hỗ trợ nông dân tiêu thụ nông sản sinh thái hiệu quả để thụ hưởng lợi ích kinh tế

Bốn là, khuyến khích nông dân tham gia vào các hình thức kinh tế tập thể để thụ hưởng lợi ích từ các chủ thể khác.

Chương 3

THỰC TRẠNG LỢI ÍCH CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1.1. Tình hình sản xuất nông nghiệp ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội

3.1.1.1. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội đến phát triển của nông nghiệp sinh thái và lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội

3.1.1.2. Hoạt động sản xuất nông nghiệp ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội

Giai đoạn 2017-2022, nông nghiệp Hà Nội có sự thay đổi tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa chuyên canh tập trung, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, tăng cường ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, phát triển liên kết chuỗi và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Mức tăng trưởng bình quân của các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2016-2022 đạt khoảng 2,71%.

3.1.2. Tình hình phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội

Nông nghiệp sinh thái Hà Nội được tổ chức dưới dạng các mô hình tổ chức sản xuất khác nhau như nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi hữu cơ, thực hành nông nghiệp tốt; thâm canh lúa cải tiến (SRI); quản lý dịch hại tổng hợp (IPM); trồng trọt kết hợp chăn nuôi (lúa - cá); nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch.

3.1.2.1. Mô hình nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi hữu cơ, thực hành nông nghiệp tốt

- Trong trồng trọt

Tính đến tháng 10/2022, Hà Nội có 1800 ha lúa và 452,8 ha rau thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam (VietGAP). Năm 2022, 170 cơ sở được chứng nhận VietGAP và tương đương, 22 cơ sở được chứng nhận mới.

Giai đoạn 2016-2022, 22 vùng chuyên canh rau an toàn được hình thành và phát triển với diện tích 5.044 ha, 25 vùng sản xuất lúa chất lượng cao với diện tích 2.708 ha, 14 vùng sản xuất cây ăn quả giá trị kinh tế cao với diện tích 15.500 ha, 10 vùng sản xuất hoa, cây cảnh với diện tích 2.700 ha, 5 vùng sản xuất chè chất lượng cao với diện tích 3.000 ha.

- Trong chăn nuôi

Đến năm 2022, 41 cơ sở được chứng nhận VietGAP (12 cơ sở nuôi lợn, 27 cơ sở nuôi gia cầm, 01 cơ sở chăn nuôi bò thịt, 01 cơ sở chăn nuôi bò sữa tập trung tại huyện Chương Mỹ, Sóc Sơn, Đông Anh...); 88 trang trại chăn nuôi được chứng nhận VietGAP và tương đương với sản lượng 13 triệu quả trứng, 11.000 con lợn, 151.000 con gia cầm/năm; 10 cơ sở được chứng nhận mới...

- Trong nuôi trồng thủy sản

Hà Nội chưa có diện tích và sản lượng nuôi trồng thủy sản hữu cơ, mới chỉ được tiến hành theo mô hình chuyển đổi hữu cơ, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và an toàn sinh học. Địa bàn nuôi trồng thủy sản tập trung tại các huyện Chương Mỹ, Thường Tín, Ba Vì... Đến hết năm 2020, thành phố có 03 huyện nuôi cá chuyển đổi hữu cơ với diện tích 10,1 ha và sản lượng đạt 38,5 tấn. Năm 2022, 32 cơ sở nuôi trồng được chứng nhận VietGAP và tương đương với diện tích đạt 181 ha và sản lượng đạt 391 tấn/năm.

3.1.2.2. Mô hình thâm canh lúa bền vững (SRI)

Diện tích lúa áp dụng phương pháp thâm canh cải tiến trên địa bàn Hà Nội tăng lên rõ rệt. Năm 2022, diện tích lúa áp dụng phương pháp thâm canh cải tiến đạt 130.695,2 ha/158.456,8 ha, trong đó diện tích lúa áp dụng phương pháp thâm canh cải tiến toàn phần đạt khoảng 5.000 ha/vụ; diện tích lúa áp dụng phương pháp thâm canh cải tiến từng phần đạt khoảng 60.000 ha/vụ.

3.1.2.3. Mô hình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)

Mô hình nông nghiệp ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp toàn phần và ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp từng phần được áp dụng trên 80% diện tích lúa, 50% diện tích rau màu, 40% diện tích hoa và 60% diện tích rau quả chè.

3.1.2.4. Mô hình trồng trọt kết hợp chăn nuôi (lúa - cá)

Năm 2022, mô hình kết hợp nuôi cá và trồng lúa (lúa - cá) đã được triển khai làm điểm với sự tham gia của 10 hộ nông dân trên diện tích 10 ha ở một số địa phương. Đến hết năm 2022, mô hình này đã được triển khai trên 6.399 ha.

3.1.2.5. Mô hình nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch

Đến năm 2022, Hà Nội có hàng chục mô hình nông nghiệp sinh thái kết hợp với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm (11 trang trại nông nghiệp sinh thái hoạt động theo mô hình giáo dục, du lịch trải nghiệm, 04 hợp tác xã nông nghiệp khai thác mô hình trang trại đồng quê). Mô hình nông nghiệp sinh thái kết hợp các hoạt động tham quan và dịch vụ nổi bật như trang trại du lịch sinh thái ở huyện Thường Tín, trang trại sinh thái Chimi Farm 4 ở huyện Đông Anh, công viên nông nghiệp Long Việt ở huyện Sóc Sơn...

3.2. THỰC TRẠNG CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN LỢI ÍCH CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

3.2.1. Nông dân được thụ hưởng thu nhập

Nông dân sản xuất theo mô hình quản lý dịch hại tổng hợp trên rau, cây ăn quả, cây chè, hoa, cây cảnh, các loại cây khác và canh tác lúa theo mô hình thâm canh bền vững có mức chi phí đầu tư thấp hơn nông nghiệp truyền thống, năng suất có xu hướng tăng, từ đó, nông dân thụ hưởng thu nhập và lãi từ sản xuất.

Bảng 3.3. Chi phí sản xuất, năng suất và lãi của nông dân sản xuất nông nghiệp sinh thái ở mô hình thâm canh lúa cải tiến và mô hình ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp

Hạng mục	Năm 2022		Năm 2021 so với năm 2017			
	Mô hình thâm canh lúa bền vững	So với nông nghiệp truyền thống	Mô hình quản lý dịch hại tổng hợp trên rau		Mô hình quản lý dịch hại tổng hợp trên cây ăn quả, chè, hoa, cây cảnh	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
Chi phí						
Giống	14 kg/ha		19 kg/ha			
Phân đạm	125 kg/ha		40 kg/ha			
Thuốc bảo vệ thực vật	0,3 kg(lít)/ha/năm		0,6 kg(lít)/ha/năm		0,7 kg/ha/năm	2-3 lần/vụ
Năng suất	6,52 tấn/ha	5-7 tạ/ha		22,29 tạ/ha		12,5 tấn/ha
Lãi	Toàn phần	6-8 triệu đồng/ha				
	Từng phần	2,5-3,5 triệu đồng/ha				

Nông dân sản xuất nông nghiệp hữu cơ được thụ hưởng thu nhập từ việc bán nông sản hữu cơ với giá cao. Sản xuất nông nghiệp sinh thái theo mô hình kết hợp (lúa - cá, nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch sinh thái), tạo ra nhiều hơn một loại sản phẩm và nhiều hơn một nguồn thu nhập trong một mô hình sản xuất, do đó, nông dân có thu nhập và lợi nhuận cao hơn.

Bảng 3.5. Thu nhập và lợi nhuận của nông dân sản xuất nông nghiệp sinh thái ở mô hình nông nghiệp hữu cơ, lúa - cá và nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch sinh thái

Mô hình	Loại nông sản	Thương hiệu nông sản	Giá bán	Thu nhập	Lợi nhuận
Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Đồng Phú, huyện Chương Mỹ	Lúa	Chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế USDA, chứng nhận canh tác theo nguyên tắc hữu cơ Pamci, tiêu chuẩn Việt Nam 11041, OCOP 4 sao	32 triệu đồng/tấn	185 triệu đồng/ha/năm	80-100 triệu đồng/ha
Hợp tác xã nông nghiệp sạch hữu cơ Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn	Rau	OCOP 4 sao	24.000đ/kg	220-250 triệu đồng/ha/vụ	150-160 triệu đồng/ha/vụ
Hợp tác xã gà vi sinh Thu Thoan, huyện Sóc Sơn	Gà	Tiêu chuẩn Việt Nam 11041-1:2017 tiêu chuẩn Việt Nam 11041-3:2017 OCOP 4 sao	285.000đ/kg	700 triệu đồng/năm (600 triệu đồng/năm từ bán gà thương phẩm; 100 triệu đồng/năm từ bán phân gà vi sinh)	
Lúa - cá	Lúa, cá				82 triệu đồng/ha/vụ nuôi
Nông trại hữu cơ Chimi Farm 4, huyện Đông Anh (nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch)	Nho		150.000đ-180.000đ/kg (nho thương phẩm) 200.000đ/kg (nho bán cho khách du lịch tại vườn)		
Làng nghề sinh vật cảnh xã Hồng Vân, huyện Thường Tín (nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch)	Hoa, cây cảnh			06 tỷ đồng/năm	

3.2.2. Nông dân được thụ hưởng môi trường làm việc và môi trường sống an toàn cho sức khỏe

Mô hình chuyển đổi hữu cơ và thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, tỷ lệ thuốc thảo mộc, sinh học được sử dụng đạt khoảng 60%. Mô hình thâm canh lúa cải tiến, nông dân trực tiếp sản xuất được hạn chế tiếp xúc với phân đạm 24,2% và hoàn toàn không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hoặc giảm phải tiếp xúc từ 0,5-1,5 lần phun thuốc/vụ... Mô hình ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp, lượng thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng ít hơn 1,4kg/ha/năm... Nhờ đó, nông dân được yên tâm làm việc trong môi trường bảo đảm hơn.

Đại đa số nông dân được khảo sát đánh giá, nông nghiệp sinh thái mang lại cho họ môi trường làm việc được cải thiện nhiều (56,75%) và rất nhiều (28,00%). Nông dân cảm nhận rõ rệt được các tác động tích cực đối với sức khỏe từ cách thức thực hành sản xuất của nông nghiệp sinh thái đối với môi trường làm việc và môi trường sống ở khu vực nông thôn.

3.2.3. Nông dân được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền địa phương

- Thụ hưởng chính sách hỗ trợ tín dụng và các yếu tố sản xuất đầu vào

Các hộ nông dân tham gia mô hình khuyến nông về sản xuất nông nghiệp hữu cơ được hỗ trợ 100% chi phí cấp giấy chứng nhận và đào tạo, tập huấn sản xuất và 50% kinh phí mua giống, vật tư thiết yếu. Nông dân tham gia mô hình lúa - cá được Trung tâm Khuyến nông Hà Nội hỗ trợ 100% cá giống, 50% thức ăn cho cá và 50% chế phẩm sinh học để xử lý nước, được tập huấn cách thức cải tạo nguồn nước nuôi cá, cách nuôi cá thả trong ruộng lúa...

- Thụ hưởng chính sách hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất

Giai đoạn 2017-2022, 7.500 nông dân được tham dự 250 lớp tập huấn IPM rau, nâng tỷ lệ số hộ nông dân được đào tạo IPM lên 46,3%; 23.500 nông dân được tham dự các lớp tập huấn ngắn hạn về an toàn thực phẩm trong sản xuất rau an toàn... Nông dân trực tiếp trồng trọt được tham dự các lớp tập huấn về SRI và IPM do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức: 447 lớp SRI trên lúa cho 13.410 nông dân/571.604 hộ sản xuất; 894 lớp IPM trên rau cho 26.820 nông dân/123.495 hộ sản xuất rau; 39 lớp IPM trên hoa cho 1.170 nông dân/20.302 hộ sản xuất...

Giai đoạn 2019-2021, 06 mô hình trồng trọt theo hướng VietGAP, hữu cơ với quy mô 474 ha, triển khai 27 điểm với 2.131 hộ tham gia; mô hình phòng trừ dịch bệnh trong chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học, vi sinh, thảo dược được triển khai thí điểm với 1.600 hộ tham gia...

- Thu hưởng chính sách hỗ trợ chính sách hỗ trợ liên kết, xây dựng thương hiệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm

Năm 2022, 277 trang trại đã liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, số trang trại chăn nuôi chủ yếu đã liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm qua hợp đồng với Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam.

Thông qua hợp tác xã, nông dân được tham gia các chương trình hỗ trợ tập huấn xây dựng sản phẩm OCOP, chứng nhận sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ, tiêu chuẩn VietGAP, tham gia chuỗi cung ứng an toàn thực phẩm... Nông dân sản xuất theo mô hình hợp tác xã (46 hợp tác xã) được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đăng ký chương trình xây dựng truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông sản bằng tem điện tử QRcode; phối hợp tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP... Giai đoạn 2016-2022, Hội Nông dân các cấp đã kết nối, hỗ trợ nông dân tiêu thụ hơn 2.000 tấn nông sản an toàn các loại, phối hợp xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu cho 25 sản phẩm nông sản thế mạnh của địa phương.

Nông dân sản xuất nông nghiệp sinh thái được chính quyền thành phố hỗ trợ tiêu thụ nông sản trên sàn thương mại điện tử “Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản thực phẩm thành phố Hà Nội” (check.hanoi.gov.vn). Nông dân được chính quyền hướng dẫn, hỗ trợ cấp tài khoản tham gia quản lý và duy trì hệ thống quản lý cho 3.135 cơ sở là các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất, chế biến, sơ chế, đóng gói nông sản với hơn 11.204 bộ mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm (trong đó có các sản phẩm được chứng nhận sản xuất hữu cơ của các hợp tác xã)...

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG TỪ THỰC TRẠNG CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN LỢI ÍCH CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.3.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

3.3.1.1. Kết quả đạt được

- Thu nhập của nông dân dần được bảo đảm

Nông sản do nông dân sản xuất theo mô hình hợp tác xã hoặc liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã được bao tiêu nông sản với giá trị cao hơn. Khảo sát cho thấy, 66.25% nông dân khẳng định thu nhập từ các hoạt động và kết quả phát triển nông nghiệp sinh thái tăng hơn so với nông nghiệp truyền thống; 63,25% nông dân đạt được mức thu nhập trung bình/tháng phổ biến dao động từ 5 đến 10 triệu đồng.

- Môi trường làm việc và môi trường sống của nông dân được cải thiện đáng kể

Tình trạng ô nhiễm từ mùi hóa chất diệt trừ sâu bệnh trên cánh đồng, trong không khí và mùi hôi của chuồng trại được giảm đáng kể, nông dân được làm việc và được sống trong an toàn, trong lành hơn. Do đó, 56.75% nông dân được hỏi

cho rằng, môi trường làm việc trong sản xuất nông nghiệp sinh thái được cải thiện nhiều, tác động tốt đối với sức khỏe của họ.

- *Nông dân dần được tiếp cận một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp sinh thái*

Nông dân tham gia mô hình khuyến nông về sản xuất nông nghiệp hữu cơ được tiếp cận vốn vay từ các nguồn (Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ Khuyến nông, Hội Nông dân...) và được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, vật tư.

Giai đoạn 2017-2021, Hà Nội tổ chức 1.139 lớp tập huấn về IPM rau cho 34.170 nông dân, qua đó, 100% nông dân tiếp thu và ứng dụng, lan truyền tới 50.000 nông dân khác; tổ chức 897 lớp tập huấn ngắn hạn về an toàn thực phẩm trong sản xuất rau an toàn cho 49.500 người...

Nông dân được hỗ trợ 100% chi phí cấp giấy chứng nhận nông sản hữu cơ, được tập huấn cách thức xây dựng thương hiệu sản phẩm, tiếp cận thị trường; 50% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử...

3.3.1.2. Nguyên nhân của kết quả đạt được

- Đảng và Nhà nước chú trọng ban hành chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với bảo đảm lợi ích của nông dân. Đảng bộ và chính quyền Hà Nội bước đầu cụ thể hóa chủ trương phát triển nông nghiệp sinh thái và triển khai các chính sách hỗ trợ nông dân.

- Hà Nội có một số thuận lợi cho phát triển nông nghiệp sinh thái, giúp cho nông dân có điều kiện được thụ hưởng lợi ích tốt hơn.

- Nông dân tham gia sản xuất nông nghiệp sinh thái theo mô hình hợp tác xã và các chuỗi liên kết nhận được sự hỗ trợ từ phía hợp tác xã, doanh nghiệp, chủ thể liên kết khác để thụ hưởng lợi ích và hạn chế rủi ro từ sản xuất nông nghiệp.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1. Hạn chế

- *Thu nhập của nông dân ở mô hình sản xuất cá thể chưa được bảo đảm chắc chắn*

Nhiều loại nông sản do nông dân cá thể tạo ra khó được chứng minh được chất lượng, không có thương hiệu nên khó đưa vào hệ thống siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch... Do đó, nông dân phải trông chờ vào thương lái đến thu mua, hoặc bán lẻ qua các kênh phân phối truyền thống với giá bán thấp hơn giá trị của sản phẩm.

- *Nông dân chưa nhận được thu nhập từ các sản phẩm vô hình tạo ra*

Nông dân hoàn toàn không nhận được thu nhập từ các sản phẩm vô hình mà nông nghiệp sinh thái tạo ra (hạn chế lượng CO₂ từ sản xuất nông nghiệp và trung hòa carbon do các hoạt động sản xuất thải ra môi trường, tạo ra cảnh quan đẹp và trong lành ở khu vực nông thôn...).

- *Nông dân còn khó khăn trong tiếp cận một số chính sách hỗ trợ và tiêu thụ sản phẩm*

Đa phần nông dân sản xuất nông nghiệp sinh thái ở mô hình cá thể khó tiếp cận tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương. Nông dân sản xuất nông nghiệp hữu cơ rất khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ tại Nghị định 109/2018/NĐ-CP (chỉ có doanh nghiệp, hợp tác xã có thể tiếp cận được), hoặc nếu nông dân không có tài sản thế chấp thì gần như không thể tiếp cận nguồn vốn vay.

Nông dân còn gặp khó khăn trong tham gia vào liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản.

3.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

- *Thu nhập của nông dân ở mô hình sản xuất cá thể chưa được bảo đảm chắc chắn là do:* Nhà nước chưa ban hành quy định về nông nghiệp sinh thái và bộ tiêu chí nhận diện nông sản để bảo vệ quyền và lợi ích của người sản xuất; Nhà nước chưa thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong ban hành các chính sách hỗ trợ đặc thù và triển khai thực hiện đối với nhóm chủ thể là nông dân cá thể; Nhận thức và trình độ chuyên môn của nông dân (nhất là ở mô hình kinh tế hộ) trong phát triển nông nghiệp sinh thái còn nhiều hạn chế.

- *Nông dân chưa nhận được thu nhập từ các sản phẩm vô hình tạo ra là do:* Nhà nước chưa ban hành quy định về thị trường sản phẩm vô hình do nông nghiệp sinh thái tạo ra.

- *Nông dân còn khó khăn trong tiếp cận một số chính sách hỗ trợ và tiêu thụ sản phẩm:* Hệ thống chính sách hỗ trợ liên quan đến lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái trong thực tiễn vẫn chưa hoàn thiện, còn tồn tại những bất cập.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NHẪM BẢO ĐẢM LỢI ÍCH CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2030

4.1. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN NHẪM BẢO ĐẢM LỢI ÍCH CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Định hướng nông nghiệp thủ đô đến năm 2030: phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp sinh thái, trải nghiệm kết hợp du lịch theo hướng đa giá trị; đẩy mạnh thị trường hóa, giá trị hóa sản phẩm nông, lâm và thủy sản, nhất là các sản phẩm khó định lượng như cảnh quan, môi trường, oxy, lưu trữ carbon... Nông nghiệp sinh thái phát triển theo định hướng không gian phát triển của ngành nông nghiệp thủ đô (vùng ven đô, vùng xa đô thị, nông thôn, vùng phía Tây Thủ đô).

nông nghiệp sinh thái thủ đô hình thành và phát triển theo vùng: vùng nông nghiệp hữu cơ, vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

Để thực hiện định hướng trên, cần quán triệt một số quan điểm cơ bản để bảo đảm lợi ích cho nông dân - chủ thể trung tâm của phát triển nông nghiệp sinh thái như sau:

4.1.1. Bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái phải được cụ thể hóa trong các văn bản chỉ đạo của Thành ủy và quy định của chính quyền Hà Nội

4.1.2. Bảo đảm lợi ích của nông dân phải gắn liền với trách nhiệm của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội trong triển khai thực hiện hiệu quả chính sách và hỗ trợ nông dân

4.1.3. Đặt lợi ích của nông dân trong mối quan hệ với các chủ thể kinh tế khác theo nguyên tắc công bằng, bình đẳng trong thụ hưởng lợi ích

4.2. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM BẢO ĐẢM LỢI ÍCH CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

4.2.1. Nhóm giải pháp đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền lợi ích trong phát triển nông nghiệp sinh thái

(1) Chính quyền địa phương kết hợp với các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội triển khai các hoạt động tuyên truyền cho nông dân chủ động, kiên trì, tự giác, trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc, quy trình thực hành sản xuất; (2) Chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động nông dân nâng cao nhận thức về quyền và lợi ích, chủ động thực hành kỹ thuật, công nghệ mới, xây dựng thương hiệu, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản; (3) Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, vận động nông dân hợp tác, liên kết với nhau hình thành các tổ sản xuất tập trung, tham gia sản xuất trong mô hình hợp tác xã và hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã để nâng cao năng lực sản xuất và tiếp cận tốt hơn các chính sách hỗ trợ; (4) Tuyên truyền, vận động doanh nghiệp và hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội đồng hành, hỗ trợ nông dân ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong sản xuất để giảm chi phí, tăng năng suất và tăng khả năng tiêu thụ nông sản; (5) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân thành phố, Liên minh hợp tác xã thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền cho nông dân chủ động, tích cực nghiên cứu, triển khai hoạt động giới thiệu và bán nông sản trên sàn thương mại điện tử; (6) Chính quyền địa phương đẩy mạnh tuyên truyền về lợi ích của việc tiêu dùng nông sản sinh thái đối với sức khỏe của con người để thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng nông sản sinh thái, giúp nông dân có nguồn thu nhập bảo đảm.

4.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách kinh tế liên quan đến bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái

4.2.2.1. Xây dựng, hoàn thiện quy định chung về nông nghiệp sinh thái và công tác quản lý, kiểm tra, xử phạt đối với các hành vi vi phạm

(1) Các cơ quan quản lý nhà nước chủ động tham mưu, ban hành các quy định, hướng dẫn và giám sát nông dân triển khai thực hiện theo đúng quy trình; (2) Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng các tiêu chí, nhãn hiệu các loại nông sản sinh thái; (3) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, cập nhật trên nền tảng dữ liệu lớn, liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, trong đó phân tách dữ liệu nông nghiệp sinh thái để nông dân chủ động tiếp cận thông tin xác lập kế hoạch sản xuất, ứng dụng khoa học - công nghệ và ứng dụng chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp sinh thái để tối ưu hóa hiệu quả sản xuất, tự bảo đảm và gia tăng lợi ích; (4) Chính phủ sớm xây dựng Nghị định và có cơ chế triển khai thực hiện về đo lường, chi trả cho chủ thể tạo ra các sản phẩm vô hình có lợi cho xã hội trong phát triển nông nghiệp sinh thái; (5) Chính phủ hoàn thiện hóa các quy định nâng cao năng lực quản lý nhà nước về nông nghiệp sinh thái, quy định kiểm tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến lợi ích của nông dân.

4.2.2.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái

** Tín dụng, điều kiện sản xuất và các yếu tố sản xuất đầu vào*

- Tín dụng phục vụ sản xuất: (1) Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh quy định về điều kiện tiếp cận vốn vay ưu đãi cho nông dân phù hợp với điều kiện thực tế; (2) Chính quyền thành phố Hà Nội sớm nghiên cứu, ban hành các chính sách đặc thù của thành phố để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất NNST; chỉ đạo chính quyền các huyện bố trí nguồn lực vốn và phối hợp với các tổ chức ngân hàng, Hội Nông dân, Quỹ Khuyến nông, Liên minh HTX, Quỹ tín dụng nhân dân... bố trí nguồn vốn để hỗ trợ nông dân; (3) Chính quyền xây dựng cơ chế huy động, thu hút nguồn vốn tín dụng ưu đãi đa dạng để có đủ nguồn lực vốn cho nông dân có thể tiếp cận.

- Kết cấu hạ tầng sản xuất: (1) Chính quyền thành phố rà soát lại quy định theo hướng tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng cho nông nghiệp sinh thái, khuyến khích doanh nghiệp có năng lực tham gia phát triển dự án xây dựng hạ tầng sản xuất vùng nông nghiệp sinh thái và dịch vụ nông nghiệp sinh thái; (2) Chính quyền thành phố hoàn thiện các quy định khuyến khích, hỗ trợ nông dân phát triển các vùng NNST quy mô trung bình và quy mô lớn theo hướng hoàn thiện cơ sở hạ tầng sản xuất, quy trình sản xuất, chế biến, xây dựng thương hiệu và hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm...

- Đất đai sản xuất: (1) Chính quyền thành phố tập trung rà soát diện tích đất bỏ hoang hoặc sử dụng kém hiệu quả, quy hoạch vùng sản xuất NNST phù hợp...; (2) Quốc hội xem xét, nghiên cứu, sớm ban hành pháp luật đất đai cho sản xuất NNST nói chung và quy định cụ thể cho đối với các nhóm chủ thể sản xuất, áp dụng với các loại mô hình sản xuất như xây dựng ngân hàng cho thuê đất nông nghiệp...

** Hỗ trợ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ trong sản xuất*

- Chính sách đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ thuật, công nghệ: (1) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Nội phối hợp với chính quyền các huyện, Liên minh HTX Hà Nội, Trung tâm Khuyến nông, Hội Nông dân tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng bám sát nhu cầu của nông dân, gắn lý thuyết với thực hành; (2) Chính quyền địa phương và các tổ chức đào tạo nghề tăng cường tổng kết, đổi mới toàn diện hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, kỹ thuật sản xuất, đáp ứng yêu cầu của NNST và ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất; (3) Chính quyền thành phố nghiên cứu, ban hành các chính sách và cơ chế cụ thể hỗ trợ đào tạo giảng viên IPM, đảm bảo xây dựng được đội ngũ giảng viên có đầy đủ kiến thức và kỹ năng tập huấn, hỗ trợ hiệu quả cho nông dân thông qua các lớp học hiện trường; (4) Các tổ chức đào tạo nghề xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hơn các lớp tập huấn hiện trường, tham quan học tập trực tiếp các mô hình nông nghiệp sinh thái thành công.

- Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất và ứng dụng công nghệ: (1) Chính quyền thành phố tăng cường phối hợp với các tổ chức liên quan nghiên cứu chính sách hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân trong việc phát triển các mô hình nông nghiệp sinh thái; (2) Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ nông dân ứng dụng, tiến tới làm chủ công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; (3) Ban hành chính sách ứng dụng công nghệ số trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc...; (4) Chính quyền thành phố tăng cường ngân sách đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, xây dựng và hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết sản xuất với nông dân; (5) Xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ nông dân được tiếp cận các dịch vụ khoa học - công nghệ và được nhận chuyển giao các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong sản xuất.

** Hỗ trợ liên kết, xây dựng thương hiệu và thị trường tiêu thụ nông sản*

(1) Chính quyền thành phố ban hành quy định triển khai một số chính sách đặc thù hỗ trợ nông dân xây dựng chuỗi; (2) Chính quyền thành phố ban hành chính sách khuyến khích phát triển liên kết giữa hộ nông dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành hàng và thị trường tiêu thụ; (3) Chính quyền thành phố ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông dân xây dựng liên kết và tham gia liên kết với các chủ thể có năng lực; (4) Đào tạo, tập huấn cho nông dân cách thức tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ, quảng bá nông sản trên nền tảng số, nghiên cứu xây dựng phát triển các chương trình thúc đẩy tiêu thụ nông sản an toàn, trách nhiệm, minh bạch...

4.2.3. Nhóm giải pháp hỗ trợ nông dân nâng cao năng lực sản xuất và tiêu thụ nông sản

4.2.3.1. Tạo lập, phát triển các mô hình liên kết chặt chẽ, đảm bảo tính pháp lý với sự tham gia của nông dân và nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất

(1) Hợp tác xã và doanh nghiệp hỗ trợ nông dân về kỹ thuật, quy trình sản xuất, tiêu thụ nông sản và tăng cường đầu tư, tạo lập các mô hình liên kết chặt chẽ, ổn định, đảm bảo tính pháp lý với sự tham gia của nông dân và phân chia lợi ích cho nông dân theo kết quả; (2) Nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tổ chức và giám sát quá trình sản xuất theo các yêu cầu trong hợp đồng đã ký kết, hỗ trợ hiệu quả cho nông dân trong tiêu thụ nông sản và tăng thu nhập; (3) Sử dụng tối đa các nguồn lực hỗ trợ từ chính sách hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền địa phương, tăng cường kết nối với nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; (4) Tăng cường năng lực nghiên cứu và dự báo thị trường, tìm kiếm đối tác và ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản cho nông dân tham gia liên kết; (5) Hình thành các mô hình liên kết dọc quy mô hẹp và quy mô rộng; (6) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, hỗ trợ nông dân, duy trì liên kết bền vững và bảo đảm cho nông dân được thụ hưởng đầy đủ lợi ích.

4.2.3.2. Hỗ trợ nông dân cá thể tham gia liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản

(1) Doanh nghiệp và hợp tác xã hỗ trợ tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn, tư vấn thông tin thị trường cho nông dân; (2) Tăng cường tư vấn, hỗ trợ nông dân xây dựng các mô hình liên kết ngang để mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất, chia sẻ rủi ro và gia tăng lợi ích; tăng cường kết nối với hệ thống đảm bảo cùng tham gia để gia tăng năng lực và hiệu quả hỗ trợ nông dân, nhất là nông dân sản xuất nhỏ, khó có khả năng để đạt được các chứng nhận quốc tế nhằm kết nối các hộ nông dân.

4.2.4. Nhóm giải pháp từ người nông dân tự bảo đảm lợi ích trong phát triển nông nghiệp sinh thái

(1) Chuyển đổi và kiên trì áp dụng nguyên tắc, cách thức thực hành, cập nhật và ứng dụng kỹ thuật và công nghệ; (2) Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật, công nghệ, nhất là công nghệ số để đẩy mạnh ứng dụng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; (3) Trang bị đầy đủ kiến thức thị trường, chủ động xây dựng phương án tìm kiếm và xác định thị trường tiêu thụ; (4) Kết nối chặt chẽ với các chuyên gia, tổ chức cấp giấy chứng nhận, trung thực, minh bạch trong công bố quy trình sản xuất để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nông sản; (5) Tạo lập và củng cố năng lực sản xuất để xây dựng liên kết hoặc tham gia vào liên kết, cùng chia sẻ khó khăn và thụ hưởng lợi ích, tự trang bị kiến thức pháp luật để bảo vệ quyền lợi trong liên kết, tuân thủ kế hoạch sản xuất, thực hiện đầy đủ và trách nhiệm cam kết theo hợp đồng đã ký kết, tích cực tìm kiếm cơ hội và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để chủ động tham gia liên kết...

KẾT LUẬN

1. Tác giả đã đưa ra khái niệm trung tâm của luận án là lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái. Các vấn đề liên quan đến lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái về lý luận như hình thức biểu hiện, tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái đã được tác giả luận giải trong luận án.

2. Luận án nghiên cứu kinh nghiệm bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái của tỉnh Bắc Ninh, Lâm Đồng, Hà Nam và từ đó rút ra 04 bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội.

3. Luận án phân tích thực trạng các hình thức biểu hiện lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2022; đánh giá những kết quả như thu nhập của nông dân dần được bảo đảm, môi trường làm việc và môi trường sống của nông dân được cải thiện đáng kể, nông dân dần được tiếp cận một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp sinh thái; đánh giá những hạn chế như thu nhập của nông dân ở mô hình sản xuất cá thể chưa được bảo đảm chắc chắn; nông dân chưa nhận được thu nhập từ các sản phẩm vô hình tạo ra; nông dân còn gặp khó khăn trong tiếp cận một số chính sách hỗ trợ và tiêu thụ sản phẩm.

4. Luận án căn cứ vào những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế từ phân tích, đánh giá thực trạng đề đề xuất 03 quan điểm cơ bản và 04 nhóm giải pháp chủ yếu bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội: Nhóm giải pháp đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền lợi ích trong phát triển nông nghiệp sinh thái; Nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách kinh tế liên quan đến bảo đảm lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái; Nhóm giải pháp hỗ trợ nông dân nâng cao năng lực sản xuất và tiêu thụ nông sản; Nhóm giải pháp từ người nông dân tự bảo đảm lợi ích trong phát triển nông nghiệp sinh thái.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1. Lâm Thị Phượng (2023), Thu nhập của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái trên địa bàn các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, số 242 (kỳ 2, 7/2023).
2. Lâm Thị Phượng (2023), Liên kết chuỗi trong phát triển nông nghiệp sinh thái trên địa bàn huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 22 (8/2023).
3. Lâm Thị Phượng (2023), Kết quả thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ mô hình nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn các huyện của thành phố Hà Nội, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 331 (8/2023).